TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BÔI** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04/8/2023.
"Về Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mến và ông Nguyễn Vũ Hòa.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên toà: Ông Bùi Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 04/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/5/2023 về "Hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/7/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thúy T**, sinh năm 1996

Bị đơn: Anh **Quách Công L,** sinh năm 1992

Cùng cư trú tại: Xóm K, xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

(Chị T có mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thúy T trình bày:

Chị Bùi Thúy T và anh Quách Công L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Về nguyên nhân ly hôn, chị T cho rằng xuất phát từ việc anh L hay uống rượu say, lại thêm nghiện chất ma túy, về nhà lời qua tiếng lại thì đánh đập vợ.

Đầu năm 2018 do điều kiện kinh tế khó khăn, chị T phải đi làm công nhân ở Bắc Ninh, thời gian đi làm xa nhà, anh L nghi ngờ chị T có mối quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến nghen tuông rồi lấy cớ đánh đập chị T bị ngất đi, ngoài lần đó ra còn nhiều lần bị đánh đập khác nên chị T quyết định sống ly thân với anh L từ tháng 7/2022 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, chị T làm đơn và giữ nguyên yêu cầu của mình đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung, chị T và anh L có 03 con chung là cháu Quách Công T1, sinh ngày 22/6/2013; cháu Quách Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2015 và cháu Quách Hải Đ, sinh ngày 03/7/2020.

Sau khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của anh L đối với các con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không nợ tổ chức tín dụng nào.

Đối với bị đơn (anh L) có biết việc giải quyết ly hôn nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng anh L vẫn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, từ đó không ghi được lời khai và ý kiến trình bày của anh L và không tiến hành kiểm tra chứng cứ và không hòa giải được.

Những vấn đề thống nhất và không thống nhất:

Do anh L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên hai bên không thống nhất được với nhau về việc ly hôn, về việc nuôi con sau khi ly hôn; tài sản và công nợ chung.

Kết quả xác minh: Bà Bùi Thị X (Mẹ đẻ anh L) và chính quyền địa phương xác nhận, chị T và anh L kết hôn với nhau tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc cả hai đi làm ăn xa nhà dẫn đến mâu thuẫn.

Về con chung, chị T và anh L có 03 con chung, từ nhỏ cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân, đều do ông bà nội trực tiếp nuôi các cháu. Nay chị T và anh L ly hôn, ông bà nội có mong muốn được tiếp tục trông nom và nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ chung: Bà Xã xác nhận, chị T và anh L không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Về thủ tục tống đạt: Bà Xã và đại diện chính quyền địa phương đều xác nhận, anh L được Tòa án tống đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản, nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh L) đã được Tòa án nhiều lần tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh L đều vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Về nội dung: Xét hôn nhân của chị T và anh L mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh L là có căn cứ.

- Về con chung: Chị T và anh L 03 con chung, anh L thường xuyên đi làm ăn xa. Quá trình giải quyết, anh L không chịu hợp tác để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con sau khi ly hôn. Nên trước tiên giao cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

- Về tài sản và công nợ chung: Căn cứ vào lời khai của chị T và kết quả xác minh của Tòa án cho thấy chị T và anh L không có, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên nguyên đơn (chị T) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình: Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn và các tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình có hộ khẩu và cùng nơi cư trú tại tại nơi có trụ sở Tòa án giải quyết tranh chấp, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng, bị đơn (anh L) trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng cố tình không hợp tác. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, nhận thấy chị T và anh L không còn hạnh phúc, mặc dù cả hai đều đã cố gắng nhưng không thay đổi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh L có 03 con chung là cháu Quách Công T1, sinh ngày 22/6/2013; cháu Quách Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2015 và cháu Quách Hải Đ, sinh ngày 03/7/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L không có mặt để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con sau khi ly hôn; nguyện vọng của 02 cháu T1 và Q mong muốn được ở với ông bà nội; ông bà nội cũng mong muốn được nuôi hai cháu T1 và Q.

Chị T (mẹ đẻ), mong muốn sau khi ly hôn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con của mình. Về cấp dưỡng, chị T chưa yêu cầu.

Xét không thể giao con cho người vắng mặt (anh L). Chỉ giao con cho ông bà nuôi dưỡng khi bố mẹ không còn hoặc không có khả năng nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị T khẳng định, bản thân có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng 10 triệu đồng, về chỗ ở đã được bố mẹ đẻ thu xếp. Sau khi ly hôn, chị T sẽ chuyển công việc về gần nhà để có thời gian chăm sóc các con ăn học. Nên giao các con cho người mẹ là chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Trường hợp anh L có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh L không có. Do vậy, không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn (chị T) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147;

227; 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thúy T đối với anh Quách Công L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thúy T được ly hôn với anh Quách Công L.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao 03 cháu Quách Công T1, sinh ngày 22/6/2013; cháu Quách Hoàng Q, sinh ngày 22/11/2015 và cháu Quách Hải Đ, sinh ngày 03/7/2020 cho chị Bùi Thúy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của anh L đối với các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Bùi Thúy T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0005336 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thúy T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (04/8/2023). Anh Quách Công L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKS ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa